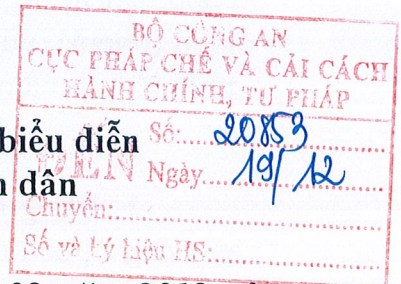


Số: 40 /2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định mức chi kinh phí tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân



Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

Căn cứ Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định mức chi tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, nội dung chi, mức chi tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân Công an, lao động hợp đồng, cán bộ tạm tuyển, cộng tác viên hoạt động tại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân, gồm: Các nhà hát trong Công an nhân dân; Đoàn Nghi lễ Công an nhân dân (sau đây gọi chung là diễn viên) và tập thể, cá nhân liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân là: Hoạt động đưa chương trình, tiết mục, vở diễn đến với cán bộ, chiến sĩ và công chúng qua sự trình diễn của diễn viên chuyên nghiệp, thể hiện hình tượng nghệ thuật, phản ánh cuộc sống chiến đấu bảo vệ an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống thông qua tác phẩm sân khấu, ca, múa, nhạc.

2. Hoạt động sân khấu trong Công an nhân dân, gồm: Ca, múa, nhạc, kịch nói.

3. Các loại hình biểu diễn khác trong Công an nhân dân, gồm: Tuồng chèo, cải lương, kịch nói, kịch thơ, kịch dân ca, kịch câm, kịch hình thể, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; nhạc giao hưởng, nhạc vũ kịch; công tác phối khí, thu âm, sáng tác các ca khúc.

Điều 4. Nguyên tắc chi

1. Đúng mục đích, nội dung, mức chi và điều kiện, khả năng thực tế của các đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp.

2. Số lượng diễn viên, thời gian buổi tập do Thủ trưởng các đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân quyết định tùy theo tính chất, nhiệm vụ từng kế hoạch, chương trình. Diễn viên trực tiếp luyện tập, biểu diễn hoặc phục vụ luyện tập, biểu diễn ngày nào, buổi nào thì được hưởng các mức bồi dưỡng cho ngày đó, buổi đó. Trường hợp diễn viên đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ trong đoàn thì được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

Điều 5. Nội dung chi

1. Bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn.

2. Chi trả nhuận bút, thù lao cho hoạt động sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Các khoản chi khác.

Điều 6. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm Bộ Công an giao cho các đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân hoặc từ nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (từ vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và nguồn thu biểu diễn).

2. Việc lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Mức chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn

1. Mức chi bồi dưỡng luyện tập tính theo số buổi thực tế luyện tập, gồm các mức sau đây:

a) Mức 80.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; diễn viên hát chính (đơn ca), diễn viên múa chính (solist), nhạc công độc tấu (solist) với dàn nhạc; người chỉ huy dàn nhạc giao hưởng nhạc vũ kịch, dàn nhạc giao hưởng, dàn hợp xướng, dàn nhạc sân khấu truyền thống; chỉ đạo nghệ thuật và tổng đạo diễn;

b) Mức 60.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính thứ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, rối; diễn viên hát chính thứ, diễn viên hát lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; diễn viên múa chính thứ, nhạc công chịu trách nhiệm lĩnh tấu trong dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc sân khấu truyền thống, diễn viên chịu trách nhiệm lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng;

c) Mức 50.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai phụ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, múa rối; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc sân khấu truyền thống; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng;

d) Mức 35.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.

2. Mức chi bồi dưỡng biểu diễn tính theo số buổi biểu diễn, gồm các mức sau đây:

a) Mức 200.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên chính, nhạc công chính, người chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật và tổng đạo diễn các chương trình nghệ thuật;

b) Mức 160.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên chính thứ nhạc công chính thứ, kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng; trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật và trưởng, phó các đoàn biểu diễn trực thuộc;

c) Mức 120.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên phụ nhạc công, kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng;

d) Mức 80.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ và nhân viên phục vụ làm việc theo chế độ hợp đồng.

Điều 8. Mức chi nhuận bút, thù lao cho hoạt động sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác

1. Nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm sân khấu thuộc các loại hình tuồng chèo, cải lương, kịch nói, kịch thơ, kịch dân ca, kịch câm, kịch hình thể, nhạc kịch và múa rối, căn cứ vào quy mô, chất lượng được trả cho các chức danh sáng tạo tác phẩm áp dụng tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác (Nghị định số 21/2015/NĐ-CP).

2. Nhuận bút, thù lao đối với chương trình nghệ thuật tổng hợp căn cứ vào quy mô, chất lượng được trả cho các chức danh sáng tạo tác phẩm áp dụng tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP.

3. Nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm múa căn cứ vào quy mô, chất lượng được trả cho các chức danh sáng tạo tác phẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP.

4. Nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm âm nhạc căn cứ vào quy mô chất lượng được trả cho các chức danh sáng tạo tác phẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP.

5. Nhuận bút, thù lao cho nhạc sỹ phối khí các tác phẩm âm nhạc đã được công bố (tác phẩm cũ phối khí mới) căn cứ vào quy mô, chất lượng được trả cho người phối khí theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 12 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP và điểm e Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP về chi trả tiền nhuận bút, thù lao theo khung nhuận bút thù lao đối với tiết mục múa trong xiếc rối, kịch nói, kịch hát, múa phụ họa cho bài hát, bản nhạc không lời, phim, hoạt cảnh để làm căn cứ tính mức chi trả tiền nhuận bút, thù lao cho nhạc sỹ phối khí với cách tính: $(30\% - 35\%) \times (\text{số phút}) \times (\text{mức lương cơ sở})$.

6. Thủ trưởng các đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp quyết định thành lập Hội đồng nghệ thuật để thực hiện các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong Công an nhân dân theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 ngày 12 tháng 2013 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng nghệ thuật trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn. Hội đồng nghệ thuật hoạt động theo nhiệm kỳ là 03 năm.

Điều 9. Các khoản chi khác

Các khoản chi khác bao gồm: Thuê địa điểm tập luyện, biểu diễn, khói lạnh, thuê trang phục, đạo cụ, màn hình led; ghi hình, chụp ảnh các chương trình nghệ thuật làm tư liệu, xây dựng video hình ảnh minh họa; thu thanh, mix đĩa; mua sơn, phấn trang điểm cho diễn viên, và các vật tư khác phục vụ tại các buổi biểu diễn được áp dụng theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, thanh toán theo thực tế chi trên cơ sở dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ~~10~~ tháng ~~12~~ năm 2022.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị, Cục trưởng Cục Kế hoạch và tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị, Cục Kế hoạch và tài chính) để hướng dẫn kịp thời.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị có đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (để t.hiện);
- H01, X03 (để t.hiện);
- Công báo;
- Lưu: VT, X03(P4). *Phát*

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm

